

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH
PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2018/KDTM-PT

Ngày 22-11-2018

V/v tranh chấp hợp đồng góp vốn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Tuyến

Các Thẩm phán:

Ông Đặng Minh Hạnh

Bà Vũ Thị Thu Hà

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Phương, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Hồng Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 24/2018/TLPT-KDTM ngày 16 tháng 10 năm 2018 về tranh chấp hợp đồng góp vốn.

Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 07/2018/KDTM-ST ngày 24 tháng 8 năm 2018 của Tòa án nhân dân quận F, Hải Phòng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 3361/2018/QĐ-PT ngày 31 tháng 10 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 3638/2018/QĐ-PT ngày 16 tháng 11 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Phạm Thị Lan H; nơi cư trú: Số A, phường B, quận C, thành phố Hồ Chí Minh; có mặt.

- Bị đơn: Công ty Trách nhiệm hữu hạn sản xuất BT; trụ sở: Số D, phường E, quận F, Hải Phòng (Người đại diện theo pháp luật: Ông Vũ Quang V là Giám đốc Công ty Trách nhiệm hữu hạn sản xuất BT); có mặt.

- Người kháng cáo: Công ty TNHH sản xuất BT là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tóm tắt nội dung vụ án và quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm:

Khoảng trước tháng 4 năm 2015 thông qua anh Phạm Đức H1 là cháu, Bà Phạm Thị Lan H góp với Công ty Trách nhiệm hữu hạn sản xuất BT (gọi tắt là Công ty BT) 500.000.000đồng (Năm trăm triệu đồng) để Công ty BT đầu tư mua

đầu kéo 15C- 14952 và rơ moóc 15R- 07995. Việc góp vốn của bà H vào Công ty BT được xác nhận bằng phiếu thu tiền lập ngày 05/4/2015 có chữ ký của Giám đốc Công ty là ông Vũ Quang V và kế toán là bà Nguyễn Thị D1.

Sau khi góp vốn, do không thấy Công ty BT chi trả tiền lãi đối với số vốn góp nên Bà Phạm Thị Lan H đề xuất việc rút vốn góp. Tại văn bản lập ngày 30/10/2015, Công ty BT cam kết với nội dung: *“Tính từ ngày 01/11/2015, phía Công ty Trách nhiệm hữu hạn sản xuất BT đại diện là ông Vũ Quang V có trách nhiệm hoàn trả lại số tiền 500.000.000đồng cho bà H chậm nhất trong vòng 03 tháng, tính từ ngày 01/11/2015, mỗi tháng sẽ trả số tiền lãi 1%/tháng vào ngày cuối cùng cho bà H cho đến khi hoàn thành nghĩa vụ đối với bà H. Nếu hết thời hạn 03 tháng mà phía Công ty chưa hoàn trả số tiền 500.000.000đồng cho bà H thì Công ty phải có trách nhiệm bán xe ngay để hoàn thành nghĩa vụ trả lại cổ phần cho bà H”*. Do Công ty BT không thực hiện cam kết nên Bà Phạm Thị Lan H khởi kiện yêu cầu Công ty BT trả lại số tiền vốn góp 500.000.000đồng và tiền lãi từ khi góp vốn đến thời điểm khởi kiện.

Quan điểm của nguyên đơn Bà Phạm Thị Lan H:

Sau khi cam kết về việc trả số tiền góp vốn trong vòng 3 tháng kể từ ngày 01/11/2015, đến khoảng cuối năm 2016, anh Phạm Đức H1 đã đưa cho bà 130.000.000đồng (Một trăm ba mươi triệu đồng) nói là Công ty BT trả. Như vậy, Công ty BT còn giữ số tiền vốn góp của bà là 370.000.000đồng. Nay bà yêu cầu Công ty BT phải trả lại cho bà số tiền 370.000.000đồng và tiền lãi theo mức lãi suất 1%/tháng được tính như sau:

- Tiền lãi của 500.000.000đồng theo cam kết: Thời gian tính lãi bắt đầu từ ngày 01/11/2015 đến ngày 01/11/2016 là 12 tháng (01 năm) là $500.000.000\text{đồng} \times 1\% / \text{tháng} \times 12 \text{ tháng} = 60.000.000\text{đồng}$ (Sáu mươi triệu đồng).

- Lãi của 370.000.000đồng: Thời gian tính lãi từ 01/01/2017 đến 01/08/2018 là 19 tháng. Số tiền lãi là: $370.000.000\text{đồng} \times 1\% / \text{tháng} \times 19 \text{ tháng} = 70.300.000\text{đồng}$.

Tổng cộng cả gốc và lãi là 500.300.000đồng (Năm trăm triệu ba trăm nghìn đồng).

Quan điểm của bị đơn là Công ty trách nhiệm hạn BT:

Bà Phạm Thị Lan H góp vốn 500.000.000đồng với Công ty để đầu tư mua xe đầu kéo và rơ moóc tiền, tỷ lệ vốn góp chiếm 1/3 tổng đầu tư của xe (trong đó có khoản tiền 100.000.000đồng lãi của khoản vay ngân hàng). Sau đó, bà H không tiếp tục chung vốn khai thác chiếc xe nêu trên nên muốn rút vốn chung mua xe và làm việc với Công ty. Bà H có nhờ bà H2 là chị gái đến làm việc, Công ty đưa ra ý kiến bà H tiếp tục để vốn góp 500.000.000đồng, 03 tháng sau Công ty sẽ hoàn lại

500.000.000đồng cho bà H mà không cần phải chia theo tỷ lệ vốn góp theo giá trị thị trường của xe. Tuy nhiên bà H không đồng ý và tiếp tục giữ yêu cầu rút vốn góp. Sau đó Công ty đã bán xe và thanh toán đúng theo phần vốn góp của bà H là 210.000.000đồng (tỷ lệ 1/3 xe trừ đi nợ vay ngân hàng tại thời điểm bán xe). Đại diện của Công ty là ông Vũ Quang V đã đưa số tiền 210.000.000đồng cho anh Phạm Đức H1 là để trả cho bà H.

Nay bà H đề nghị Tòa án giải quyết buộc Công ty BT phải trả số tiền 500.300.000đồng bao gồm tiền gốc 370.000.000đồng, tiền lãi 130.300.000đồng, Công ty BT không đồng ý vì Công ty đã thanh toán trả hết tiền vốn góp cho bà H là 210.000.000đồng (Hai trăm mười triệu) đồng theo đúng tỷ lệ phần vốn góp.

Với nội dung trên tại bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 07/2018/KDTM-ST ngày 24 tháng 8 năm 2018 của Tòa án nhân dân quận F, thành phố Hải Phòng đã căn cứ: Khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ các Điều 280, 281, 302, 388, 389, 401 của Bộ luật Dân sự 2005; Điều 306 Luật Thương mại năm 2005; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà Phạm Thị Lan H. Buộc bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn sản xuất BT phải trả cho Bà Phạm Thị Lan H số tiền là 500.300.000 đồng (Năm trăm triệu ba trăm nghìn đồng), bao gồm cả tiền gốc và tiền lãi.

Ngài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo và lãi xuất chậm trả đối với khoản tiền chậm thi hành án.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 24 tháng 9 năm 2018 bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn sản xuất BT kháng cáo bản án sơ thẩm số 07/2018/KDTM-ST ngày 24 tháng 8 năm 2018 của Tòa án nhân dân quận F, thành phố Hải Phòng và đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu của Bà Phạm Thị Lan H yêu cầu Công ty Trách nhiệm hữu hạn sản xuất BT phải trả cho bà H 370.000.000đồng tiền gốc và 130.300.000đồng tiền lãi.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm vì: Sau khi nộp cho Công ty BT 500 triệu đồng để Công ty đầu tư mua xe đầu kéo, Công ty BT không cho bà biết về số tiền đầu tư mua xe đầu kéo, tỷ lệ được phân chia lợi nhuận mặc dù bà đã nhiều lần yêu cầu ông Vinh là giám đốc Công ty. Việc Công ty BT đưa ra chứng cứ tại phiên tòa về

việc Công ty BT đã trả cho bà 217.000.000đồng là không đúng, thực tế bà chỉ được anh Huy đưa cho 130.000.000đồng nói là tiền do Công ty BT trả.

Bị đơn là Công ty Trách nhiệm hữu hạn BT giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử phúc thẩm lại vụ án, sửa bản án sơ thẩm để đảm bảo quyền lợi cho bị đơn vì: Thông qua anh Phạm Đức H1, Công ty BT đã trả cho bà Nguyễn Thị Lan H 217.000.000đồng là số tiền tương ứng với tỷ lệ 1/3 vốn góp đầu tư mua xe đầu kéo sau khi bán thanh lý xe. Như vậy, Công ty BT không còn nghĩa vụ gì với bà H nữa.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng phát biểu quan điểm:

Về chấp hành pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung kháng cáo:

Tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án chỉ có căn cứ xác định Công ty BT đã trả cho bà H 130 triệu đồng ngoài ra Công ty BT không còn chứng cứ nào khác chứng minh đã trả cho bà H 210 triệu đồng (như quan điểm của bị đơn tại giai đoạn sơ thẩm) hay 217 triệu đồng (như lời khai tại phiên tòa phúc thẩm). Công ty cũng không có tài liệu để chứng minh số tiền đầu tư mua xe đầu kéo và romooc chính xác là bao nhiêu, không có tài liệu chứng minh thỏa thuận tỷ lệ vốn góp của bà H là 1/3 giá trị đầu tư mua xe đầu kéo và romooc và không có sự minh bạch trong việc mua bán tài sản dẫn đến thiệt hại cho nhà đầu tư. Bản án sơ thẩm tuyên buộc Công ty BT phải trả cho bà H 500.300.000đồng (năm trăm triệu ba trăm nghìn đồng), bao gồm số tiền gốc: 370.000.000đồng (Ba trăm bảy mươi triệu đồng) và tiền lãi: 130.300.000đồng (Một trăm ba mươi triệu ba trăm nghìn đồng) là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308; khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết 32/2006/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án tuyên xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm và tuyên về án phí cho các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa;

[1] Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật: Đây là vụ án tranh chấp hợp đồng góp vốn giữa cá nhân với tổ chức có đăng ký kinh doanh với nhau và đều có mục đích lợi nhuận theo quy định tại khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Về nội dung kháng cáo của Công ty BT:

[2] Nguyên đơn, bị đơn đều thống nhất nội dung Bà Phạm Thị Lan H đã góp vốn vào Công ty Trách nhiệm hữu hạn sản xuất BT (gọi tắt là Công ty BT) với số tiền là 500.000.000đồng để đầu tư mua xe đầu kéo 15C-14952 và rơ moóc 15R-07995 được thể hiện tại Phiếu thu ngày 05/4/2015 và Bản cam kết ngày 30/10/2015, theo quy định tại Điều 92 BLTTDS đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh. Việc góp vốn giữa Bà Phạm Thị Lan H và Công ty Trách nhiệm hữu hạn sản xuất BT là hoàn toàn tự nguyện, không bị lừa dối, cưỡng ép, nội dung không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên theo quy định của pháp luật.

[3] Tại cấp sơ thẩm, bị đơn cho rằng Công ty đã bán xe và trả cho bà H số tiền 210.000.000đồng, tại phiên tòa bị đơn xác định số tiền đã trả cho nguyên đơn là 217.000.000đồng là số tiền tương ứng với phần góp của bà H (tỷ lệ 1/3 giá trị xe trừ đi nợ vay ngân hàng tại thời điểm bán xe) như vậy Công ty đã trả hết nợ cho bà H theo đúng tỷ lệ phần vốn góp của bà H vào Công ty để mua 01 xe đầu kéo và 01 rơ moóc, tuy nhiên bà H cho rằng Công ty mới chỉ trả cho bà được 130.000.000đồng tiền vốn góp và chưa trả lãi. Công ty BT không trực tiếp trả tiền cho bà H mà trả cho bà H thông qua anh Phạm Đức H1. Người làm chứng là anh Phạm Đức H1 xác nhận ông Vũ Quang V là giám đốc Công ty BT đưa cho anh 200 triệu đồng trong đó trả cho Bà Phạm Thị Lan H 130 triệu đồng. Như vậy, xác định Công ty BT đã trả cho bà H 130.000.000đ tiền vốn góp.

[4] Tại phiên tòa, đại diện bị đơn đưa ra tài liệu thể hiện Công ty BT đã đưa cho anh H1 217.000.000đ để trả cho bà H, tuy nhiên bà H không xác nhận là đã được nhận từ anh H1 217.000.000đ mà chỉ xác nhận đã được nhận từ anh H1 130.000.000đ. Do vậy, Công ty BT có quyền khởi kiện để yêu cầu Tòa án giải quyết về vấn đề này.

[5] Tại phiếu thu ngày 05/4/2015 và Bản cam kết ngày 30/10/2015 giữa bà H và Công ty BT (đại diện là ông Vũ Quang V - giám đốc) không có bất cứ sự thỏa thuận nào về việc ghi nhận tỷ lệ góp vốn giữa nguyên đơn và bị đơn là bao nhiêu, ông V cũng không xuất trình được tài liệu, chứng cứ nào chứng minh cho việc thỏa thuận về tỉ lệ góp vốn này.

[6] Về yêu cầu tính lãi của nguyên đơn: Tại thời điểm xét xử sơ thẩm mức lãi suất nợ quá hạn trung bình của ba ngân hàng Viettinbank, Vietcombank, Agribank là 13,28%/năm, nguyên đơn chỉ yêu cầu tính lãi 1%/tháng tương đương 12%/năm là thấp hơn mức lãi suất nợ quá hạn trung bình của ba ngân hàng, đây là sự tự nguyện của đương sự, phù hợp với quy định của pháp luật được chấp nhận.

[7] Từ các phân tích trên thấy không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn sản xuất BT. Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tại phiên tòa là có căn cứ cần chấp nhận.

[8] Về án phí: Do kháng cáo của bị đơn không được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308; khoản 1 Điều 148; Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 280, 281, 302, 388, 389, 401 của Bộ luật Dân sự 2005; Điều 306 Luật Thương mại năm 2005

Căn cứ khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn sản xuất BT, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà Phạm Thị Lan H:

Buộc bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn sản xuất BT phải trả cho Bà Phạm Thị Lan H số tiền là 500.300.000đồng (năm trăm triệu ba trăm nghìn đồng), bao gồm số tiền gốc: 370.000.000đồng (Ba trăm bảy mươi triệu đồng) và tiền lãi: 130.300.000đồng (Một trăm ba mươi triệu ba trăm nghìn đồng).

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày Bà Phạm Thị Lan H có đơn yêu cầu thi hành án, nếu Công ty Trách nhiệm hữu hạn sản xuất BT không thi hành trả khoản tiền phải trả trên thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 306 của Luật Thương mại.

2. Về án phí dân sự:

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Công ty Trách nhiệm hữu hạn sản xuất BT phải nộp số tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 24.012.000đồng (Hai mươi tư triệu không trăm mười hai nghìn đồng).

Trả lại cho Bà Phạm Thị Lan H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 12.880.000đồng (Mười hai triệu tám trăm tám mươi nghìn đồng) theo biên lai thu số 0014533 ngày 11 tháng 4 năm 2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận F, Hải Phòng.

- Về án phí dân sự phúc thẩm: Công ty Trách nhiệm hữu hạn sản xuất BT phải nộp số tiền án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm là 2.000.000đồng (Hai triệu đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp là 2.000.000đồng (Hai triệu đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0014910

ngày 05 tháng 10 năm 2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận F, Hải Phòng. Công ty Trách nhiệm hữu hạn BT đã nộp đủ tiền án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự/.

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Minh Hạnh - Vũ Thị Thu Hà

Nguyễn Xuân Tuyền

Nơi nhận:

- VKSND TP Hải Phòng;
- TAND quận F;
- Chi cục THADS quận F;
- Đường sự (để thi hành);
- Lưu: HCTP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Xuân Tuyền